

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2025/DS-ST

Ngày: 11 - 12 - 2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Truyền

2. Ông Bùi Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp Long Khánh, xã Long Mỹ, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

(Nay là ấp Long Khánh, xã Bình Phước, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông **Nguyễn Quyết Q**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số B, P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

(Giấy ủy quyền ngày 06/8/2025), có mặt.

2. Bị đơn: - Ông **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Nay là ấp M, xã M, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Huỳnh N**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

(Nay là ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 06/8/2025, nguyên đơn Trần Thị Mỹ L trình bày:

Ngày 30/10/2024, bà Trần Thị Mỹ L có cho bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Huỳnh N vay số tiền 600.000.000đ để sử dụng vào mục đích kinh doanh, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 30/10/2024 đến ngày 30/01/2025, lãi suất do hai tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà N có trả cho bà L được số tiền 210.000.000đ nên còn nợ lại 390.000.000đ. Đã nhiều lần bà L yêu cầu ông T và bà N trả số tiền còn nợ nhưng ông bà không thực hiện và kéo dài cho đến nay. Vì vậy, bà L yêu cầu ông T và bà N trả cho bà L số tiền vốn vay còn nợ là 390.000.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 01/02/2025 đến 01/08/2025 là 06 tháng bằng số tiền 38.844.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 428.844.000đ. Đồng thời, tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn không có bổ sung tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Huỳnh N trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền vốn vay còn nợ là 390.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 01/02/2025 đến ngày 01/12/2025 là 10 tháng bằng số tiền 64.740.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Huỳnh N có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Giữa nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L với bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Huỳnh N có ký kết hợp đồng vay tiền lập ngày 30/10/2024, theo đó ông T và bà N vay của bà L số tiền vốn 600.000.000 đ để sử dụng vào mục đích kinh doanh, thời hạn vay 03

tháng tính từ ngày 30/10/2024 đến hết ngày 30/01/2025, lãi suất cho vay do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà N trả được cho bà L được số tiền vốn 210.000.000đ, còn nợ lại tiền vốn là 390.000.000đ. Do hợp đồng đã quá thời hạn trả nhưng ông T và bà N vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn và lãi còn nợ bà L.

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn trong đó nêu rõ toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, bị đơn vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cũng như yêu cầu phản tố.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mỹ L yêu cầu bị đơn Nguyễn Bá T và Nguyễn Huỳnh N trả cho bà L số tiền vốn vay còn nợ là 390.000.000đ theo trình bày của nguyên đơn trên cơ sở biên nhận vay tiền là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu trả lãi trên số tiền nợ gốc là 390.000.000đ đã quá hạn chưa trả tính từ ngày 01/02/2025 (sau ngày hết thời hạn vay) đến ngày 01/12/2025 là 10 tháng theo mức lãi suất 1,66%/tháng bằng số tiền: $390.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 10 \text{ tháng} = 64.740.000đ$ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Như vậy, bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng là: $390.000.000đ + 64.740.000đ = 454.740.000đ$.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ L.

Buộc ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Huỳnh N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền vốn vay và lãi còn nợ tổng cộng là 454.740.000đ (*Bốn trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/12/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Huỳnh N phải nộp 22.189.000đ (*Hai mươi hai triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền 10.576.000đ (*Mười triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004087 ngày 03/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa